

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/5/2022.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Tạ Văn Đài – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Điều Thị Mai T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 76, đường N08, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang tạm giam tại Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Điều Thị Mai T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 và đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T ham chơi, không quan tâm chăm lo gia đình, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung

đột không tin tưởng, tôn trọng nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 cháu tên Điều Hoài Nhã Th, sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Kiến H, sinh ngày 12/9/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Điều Thị Mai T có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay bà T xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên Điều Hoài Nhã Th, sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Kiến H, sinh ngày 12/9/2017. Ly hôn ông đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà T và ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Điều Hoài Nhã Th, sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Kiến H sinh ngày 12/9/2017 cho bà Điều Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Đình T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà T xin ly hôn với ông T có địa chỉ cư trú tại: Số 76, đường N08, ấp A, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T tự có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 07/3/2017) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà T trình bày: Sau khi kết hôn với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T ham chơi, không quan tâm chăm lo gia đình, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột không tin tưởng, tôn trọng nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T.

Ông T cũng thừa nhận hai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Nay bà T xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Điều Hoài Nhã Th, sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Kiến H, sinh ngày 12/9/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Cháu Th và cháu H còn nhỏ và từ khi hai vợ chồng sống ly thân cả 02 cháu sống với bà T, được bà T chăm sóc tốt về mọi mặt. Ly hôn, ông T cũng đồng ý giao 02 cháu cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Điều Hoài Nhã Th và Nguyễn Kiến H cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 131 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Điều Thị Mai T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Mai T được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Điều Hoài Nhã Th, sinh ngày 07/3/2015 và Nguyễn Kiến H sinh ngày 12/9/2017 cho bà Điều Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Đình T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đình T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Điều Thị Mai T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 0000506 ngày 19/11/2021.

6. Bà Điều Thị Mai T và ông Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS H. Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự H. Trảng Bom;
- UBND xã T,
H. Trảng Bom, T. Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án tỉnh

tòa

- VKS TP Biên Hòa

- Các đương sự

- Thi hành án

- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

Trần Thị Mỹ Hạnh